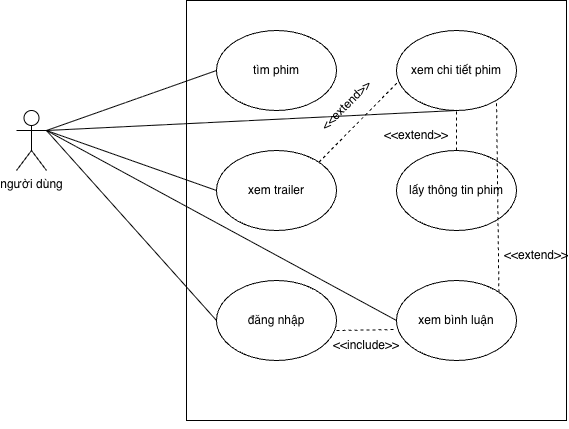
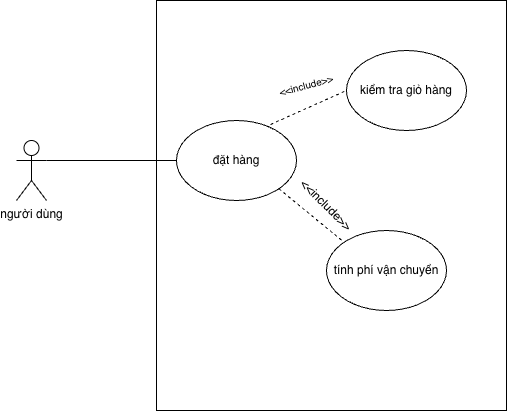
Bài 1 :

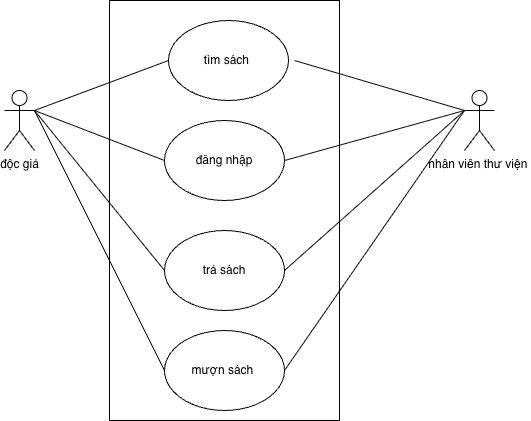
Bài2

: 

Bai3:

| Use Case A | Use Case B | Mối quan hệ | Giải thích ngắn |
| --- | --- | --- | --- |
| Đặt hàng | Kiểm tra giỏ hàng | <<include>> | Trước khi đặt, hệ thống luôn xác thực giỏ (số lượng, tồn kho, giá/khuyến mãi) → bước bắt buộc. |
| Đặt hàng | Đề xuất hoá đơn | <<extend>> | Chỉ khi người dùng yêu cầu xuất hoá đơn VAT hoặc chọn chế độ doanh nghiệp → luồng tùy chọn mở rộng từ “Đặt hàng”. |
| Đặt hàng | Xem đánh giá | <<extend>> | Trong quá trình đặt, người dùng có thể mở đánh giá nhà hàng/món để tham khảo rồi quay lại đặt → không phải lúc nào cũng xảy ra. |
| Kiểm tra giỏ hàng | Xem đánh giá | Association | Người dùng có thể rời giỏ để xem review, nhưng không có phụ thuộc chức năng bắt buộc giữa hai use case. |
| Kiểm tra giỏ hàng | Đề xuất hoá đơn | Association | Việc xem/nhập thông tin hoá đơn không bắt buộc khi kiểm tra giỏ; chỉ liên quan khi người dùng chọn xuất hoá đơn ở bước đặt. |
| Xem đánh giá | Đề xuất hoá đơn | Association | Hai chức năng độc lập; xem review không ảnh hưởng logic hoá đơn. |

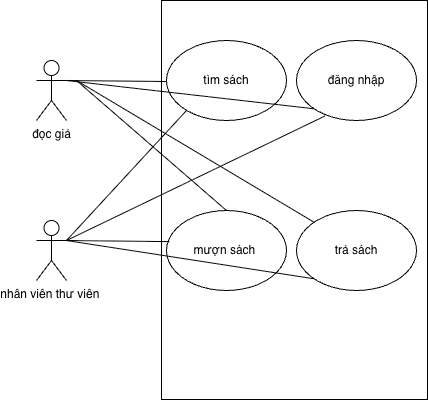
Bài 4 :



Bài 5 :

| Actor | Loại | Use Case phục vụ (ví dụ) |
| --- | --- | --- |
| Khách hàng | Primary | Tạo/đăng nhập tài khoản; Tìm & chọn món; Đặt hàng; Thanh toán; Theo dõi trạng thái đơn (ETA, bản đồ); Hủy đơn; Đánh giá/ghi bình luận; Quản lý địa chỉ/ưu đãi |
| Tài xế giao hàng | Primary | Nhận/nhận lại đơn; Đi lấy món; Cập nhật trạng thái (đã lấy/đang giao/đã giao); Điều hướng bản đồ; Gọi/chat với khách/nhà hàng; Xử lý sự cố (không liên lạc, đổi điểm giao) |
| Nhà hàng/Đối tác | Primary | Nhận & xác nhận đơn; Chuẩn bị món; Đánh dấu sẵn sàng; Quản lý menu & giá; Cài đặt giờ mở cửa; Tạm ngưng món/hết hàng |
| Quản trị vận hành (Ops/Admin) | Primary | Giám sát đơn/điều phối; Xử lý khiếu nại & hoàn tiền; Quản lý người dùng/đối tác/tài xế; Quản lý khuyến mãi/phí; Báo cáo doanh thu & hiệu suất |
| Cổng thanh toán | Secondary | Ủy quyền & thu tiền; Hoàn tiền; Đối soát giao dịch; Phát hiện gian lận cơ bản |
| Dịch vụ bản đồ/định vị | Secondary | Geocoding địa chỉ; Tính tuyến đường & ETA; Theo dõi vị trí thời gian thực |
| Dịch vụ thông báo (Push/SMS/Email) | Secondary | Gửi OTP; Gửi cập nhật trạng thái đơn; Nhắc đánh giá/khuyến mãi |
| CSKH/Call Center | Secondary | Tạo & xử lý ticket; Chat/gọi hỗ trợ; Điều chỉnh đơn/hoàn tiền theo chính sách |

Bài 7



Bai6

**Use Case Description — Đăng nhập**

**Tên:** Đăng nhập  
**Actor:** Người dùng (primary), Hệ thống (secondary), Dịch vụ xác thực/OTP (nếu bật MFA)  
**Mục tiêu:** Người dùng truy cập hệ thống bằng thông tin hợp lệ để sử dụng các chức năng bên trong.

**Luồng chính (Happy Path)**

1. Người dùng mở màn hình **Đăng nhập**.
2. Nhập **Tên đăng nhập/Email/SĐT** và **Mật khẩu**.
3. Hệ thống **kiểm tra định dạng** dữ liệu đầu vào (không rỗng, email hợp lệ…).
4. Hệ thống **xác thực** thông tin với kho tài khoản.
5. *(Nếu bật bảo mật 2 lớp)* Hệ thống gửi **mã OTP** và hiển thị ô nhập OTP.
6. Người dùng nhập **OTP hợp lệ**.
7. Hệ thống tạo **phiên đăng nhập (session/token)** và ghi nhật ký.
8. Hệ thống chuyển người dùng về **trang chủ/điểm đến trước đó**.
9. Use case kết thúc **thành công**.

**Luồng lỗi / Ngoại lệ**

* **E1 – Thiếu hoặc sai định dạng đầu vào**  
  3a. Trường trống / email không hợp lệ → hiển thị thông báo và yêu cầu nhập lại.
* **E2 – Sai thông tin đăng nhập**  
  4a. Tên đăng nhập không tồn tại hoặc mật khẩu sai → báo lỗi “Thông tin không đúng”; tăng bộ đếm sai.  
  4b. Vượt quá số lần cho phép → **khóa tạm thời** tài khoản (ví dụ 15 phút) và hướng dẫn khôi phục.
* **E3 – Tài khoản chưa kích hoạt / bị vô hiệu hóa**  
  4c. Thông báo trạng thái và cung cấp lựa chọn **gửi lại email kích hoạt** hoặc liên hệ hỗ trợ.
* **E4 – OTP không hợp lệ/hết hạn** *(nếu có MFA)*  
  6a. Báo lỗi; cho phép **gửi lại OTP** và nhập lại trong giới hạn số lần.
* **E5 – Lỗi hệ thống / mất kết nối**  
  Tại bất kỳ bước nào, nếu không kết nối hoặc lỗi máy chủ → thông báo “Không thể đăng nhập lúc này”, cho phép **thử lại**.

**Ghi chú ngắn**

* Mật khẩu được lưu **hash + salt**; session/token có thời hạn và cơ chế **đăng xuất tất cả thiết bị**.
* Có thể bổ sung tùy chọn **“Quên mật khẩu”** và **“Đăng nhập bằng mạng xã hội/SSO”** như các use case liên quan.

Bạn muốn mình chuyển mẫu này sang **bảng Use Case Specification** chuẩn (có Preconditions/Postconditions, Triggers, Extensions) hoặc xuất **.docx** để nộp không?

**Bạn đã nói:**

okđẻ tôi coppy

**ChatGPT đã nói:**

Tuyệt! Đây là bản **Use Case Description — Đăng nhập** gọn gàng, dễ copy:

Tên: Đăng nhập  
Actor: Người dùng (primary), Hệ thống (secondary), Dịch vụ xác thực/OTP (nếu bật MFA)  
Mục tiêu: Người dùng truy cập hệ thống bằng thông tin hợp lệ để sử dụng các chức năng.

Tiền điều kiện:

* Người dùng có tài khoản hợp lệ.
* Ứng dụng có kết nối mạng.

Kích hoạt:

* Người dùng mở màn hình Đăng nhập và chọn thực hiện đăng nhập.

Hậu điều kiện (thành công):

* Phiên đăng nhập (session/token) được tạo, người dùng vào trang chủ/điểm đến trước đó.

Luồng chính:

1. Người dùng mở màn hình Đăng nhập.
2. Nhập Tên đăng nhập/Email/SĐT và Mật khẩu.
3. Hệ thống kiểm tra định dạng dữ liệu.
4. Hệ thống xác thực thông tin với kho tài khoản.
5. (Nếu bật MFA) Hệ thống gửi mã OTP và hiển thị ô nhập OTP.
6. Người dùng nhập OTP hợp lệ.
7. Hệ thống tạo session/token, ghi log.
8. Điều hướng về trang chủ/điểm đến trước đó.
9. Kết thúc thành công.

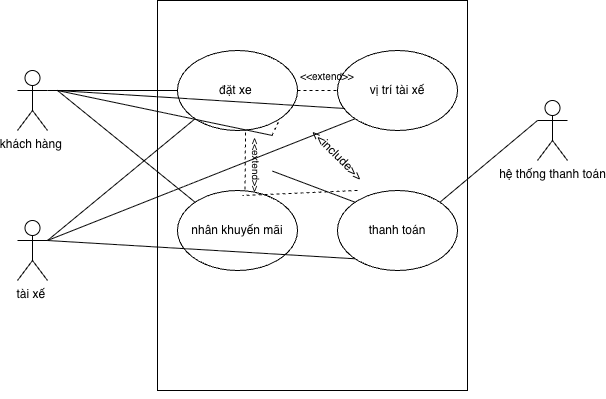
Luồng lỗi / Ngoại lệ:

* E1: Thiếu hoặc sai định dạng → Thông báo lỗi, yêu cầu nhập lại.
* E2: Sai thông tin đăng nhập → Báo lỗi; tăng bộ đếm; quá số lần thì khóa tạm tài khoản.
* E3: Tài khoản chưa kích hoạt/bị vô hiệu hóa → Thông báo trạng thái; cho gửi lại email kích hoạt hoặc liên hệ hỗ trợ.
* E4: OTP không hợp lệ/hết hạn (nếu có MFA) → Cho nhập lại/gửi lại OTP trong giới hạn.
* E5: Lỗi hệ thống/mất kết nối → Thông báo không thể đăng nhập, cho phép thử lại.

Ghi chú:

* Mật khẩu lưu dạng hash+salt; session/token có thời hạn; hỗ trợ đăng xuất tất cả thiết bị.
* Có thể bổ sung “Quên mật khẩu”, “SSO/Đăng nhập mạng xã hội” như use case liên quan.

Bai8:



BTTH:

